

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2018/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về cơ chế phối hợp thực hiện dự án đầu tư theo
hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;**Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;**Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ về việc lựa chọn nhà đầu tư;**Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;**Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế phối hợp thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2018.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Trung Hoàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về cơ chế phối hợp thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ chế phối hợp thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 3. Lựa chọn sơ bộ dự án

1. Nguyên tắc lựa chọn sơ bộ dự án

Việc lựa chọn sơ bộ dự án nhằm xác định đúng các dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp trang thiết bị, dịch vụ công được nghiên cứu đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Tiêu chí lựa chọn sơ bộ dự án

a) Dự án được lựa chọn sơ bộ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định 15/2015/NĐ-CP và là dự án ưu tiên của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Có khả năng tạo doanh thu để hoàn vốn cho nhà đầu tư, ưu tiên dự án tạo doanh thu từ hoạt động kinh doanh.

b) Ngoài các tiêu chí quy định tại Điểm a Khoản này, căn cứ mức độ thông tin của từng dự án, có thể xem xét bổ sung các tiêu chí sau để ưu tiên lựa chọn sơ bộ dự án:

- Có nhà đầu tư quan tâm;

- Có nhu cầu sử dụng dịch vụ lớn;
- Có yếu tố thuận lợi để thực hiện đầu tư (dự án đã thực hiện giải phóng mặt bằng; công trình phụ trợ, đấu nối đã được xây dựng; nguyên nhiên vật liệu, máy móc công nghệ sẵn có trên thị trường);
- Có ứng dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, sản xuất tiết kiệm năng lượng (nếu có);
- Các yếu tố liên quan khác (nếu có).

3. Chấp thuận chủ trương lập đề xuất dự án

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động nghiên cứu nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn sơ bộ dự án gửi cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP (Sở Kế hoạch và Đầu tư) rà soát, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép lập đề xuất dự án.

Điều 4. Lập, thẩm định, phê duyệt và công bố đề xuất dự án

1. Dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất

1.1. Điều kiện lựa chọn dự án

a) Dự án được lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định 15/2015/NĐ-CP;
- Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;
- Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;
- Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng O&M và dự án quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 4 Nghị định 15/2015/NĐ-CP.

b) Dự án chưa có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương phải được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều này có khả năng thu hồi vốn từ hoạt động kinh doanh được ưu tiên lựa chọn.

1.2. Trách nhiệm lập đề xuất dự án

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan được giao lập đề xuất dự án) tổ chức lập đề xuất dự án, gửi cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP thẩm định.

2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất

2.1. Điều kiện đề xuất dự án

a) Nhà đầu tư được đề xuất thực hiện dự án ngoài danh mục dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Các điều kiện quy định tại tiết a điểm 1.1 Khoản 1 Điều này;
- Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để đề xuất dự án.

2.2. Nhà đầu tư được giao lập đề xuất dự án tổ chức lập đề xuất dự án, gửi cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP thẩm định.

3. Thẩm định đề xuất dự án

a) Cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án của đơn vị lập đề xuất dự án và tổ chức thẩm định theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đối với đề xuất dự án bằng văn bản, trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp thẩm định; lấy ý kiến thẩm định về thiết kế sơ bộ (thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm C) của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

Trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của Bộ, ngành Trung ương thì Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ, ngành Trung ương.

c) Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm xem xét, có ý kiến thẩm định bằng văn bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý và các vấn đề có liên quan của dự án trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, không quá 08 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, C. Quá thời hạn nêu trên, nếu các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan được lấy ý kiến thẩm định không có ý kiến thì xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định đề xuất dự án trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp đối với dự án nhóm A, nhóm B, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định đề xuất dự án do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phê duyệt đề xuất dự án không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ chỉnh sửa hoàn chỉnh (đối với dự án có đề xuất sử dụng vốn đầu tư công, phải thực hiện thủ tục phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư công trước khi trình phê duyệt đề xuất dự án).

4. Phê duyệt đề xuất dự án

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề xuất dự án trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Trường hợp dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo phân cấp của pháp luật về đầu tư công, đề xuất dự án có thể được

phê duyệt đồng thời với chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án.

- Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất: Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với nhà đầu tư về các nội dung liên quan đến việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi như: Mục đích, yêu cầu, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm định và nguyên tắc xử lý trong trường hợp nhà đầu tư khác được lựa chọn thực hiện dự án.

5. Công bố dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm công bố dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 5. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi

Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

Dự án nhóm C không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng phải có thiết kế cơ sở và phương án tài chính trong đề xuất dự án làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư và đàm phán hợp đồng dự án.

2. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư và tổ chức thẩm định theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đối với báo cáo nghiên cứu khả thi bằng văn bản, trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp thẩm định; lấy ý kiến thẩm định về thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

Trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của Bộ, ngành Trung ương thì Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ, ngành Trung ương.

c) Các sở, ban ngành, địa phương liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm xem xét, thẩm định bằng văn bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý và các vấn đề có liên quan của dự án trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm A và không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm B. Quá thời hạn nêu trên, nếu các sở, ban ngành, địa phương liên quan được lấy ý kiến thẩm định không có ý kiến thì xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A và 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ chỉnh sửa hoàn chỉnh.

3. Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

Điều 6. Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công sang hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập hồ sơ đề xuất chuyển đổi hình thức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án chuyển đổi hình thức đầu tư và đề xuất dự án theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật Đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển đổi hình thức đầu tư trước khi phê duyệt phương án chuyển đổi hình thức đầu tư.

3. Sau khi phương án chuyển đổi hình thức đầu tư và đề xuất dự án được phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh của dự án theo quy định tại Chương IV Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và lựa chọn nhà đầu tư đàm phán hợp đồng dự án.

4. Nhà đầu tư được lựa chọn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đàm phán hợp đồng dự án, ký kết thỏa thuận đầu tư và thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp để triển khai dự án theo quy định tại Chương V và VI Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Lựa chọn nhà đầu tư

1. Sơ tuyển nhà đầu tư

a) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao tổ chức lập hồ sơ mời sơ tuyển (trừ những dự án nhóm C mà người có thẩm quyền quyết định không áp dụng sơ tuyển), kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

d) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao thực hiện đăng tải thông báo mời sơ tuyển; tổ chức các bước liên quan và gửi báo cáo kết quả đánh giá sơ tuyển, kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kết quả sơ tuyển trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả sơ tuyển trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

g) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao thực hiện đăng tải danh sách ngắn và gửi thông báo đến các nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

a) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

d) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao thực hiện đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

3. Lựa chọn nhà đầu tư

a) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao tổ chức lập hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu trong trường hợp chỉ định thầu), kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

d) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao thực hiện đăng tải thông báo mời thầu (trừ trường hợp chỉ định thầu), gửi thư mời thầu đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn (trường hợp có áp dụng sơ tuyển); tổ chức các bước liên quan và gửi báo cáo kết quả đánh giá nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (trừ trường hợp chỉ định thầu), kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

g) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao thực hiện các bước liên quan tiếp theo và gửi báo cáo kết quả đánh giá lựa chọn nhà đầu tư, kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

h) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

i) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định

k) Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao thực hiện đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 8. Chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Luật Đấu thầu.

Điều 9. Đàm phán và ký kết thỏa thuận đầu tư; cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hợp đồng dự án và thành lập doanh nghiệp dự án

1. Đàm phán và ký kết thỏa thuận đầu tư

Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao tổ chức đàm phán hợp đồng dự án và ký kết thỏa thuận đầu tư với nhà đầu tư.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án nhóm A, B, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (dự án nhóm C không phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn không quá 13 ngày làm việc.

3. Ký kết hợp đồng dự án

Cơ quan được ủy quyền hoặc được giao tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư (đối với dự án nhóm A) hoặc trực tiếp ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư (đối với dự án nhóm B, C).

4. Thành lập doanh nghiệp dự án

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp để thực hiện dự án phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động đã thỏa thuận tại hợp đồng dự án (đối với dự án thực hiện theo hợp đồng BT hoặc dự án nhóm C, nhà đầu tư quyết định thành lập doanh nghiệp dự án hoặc trực tiếp thực hiện dự án nhưng phải tổ chức quản lý và hạch toán độc lập nguồn vốn đầu tư và các hoạt động của dự án).

Điều 10. Triển khai thực hiện dự án; quyết toán và chuyển giao công trình dự án

1. Triển khai thực hiện dự án

Dự án được triển khai theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng dự án sau khi hợp đồng dự án được ký kết.

2. Quyết toán và chuyển giao công trình dự án

Nhà đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình dự án.

Đối với các hợp đồng dự án có quy định việc chuyển giao công trình dự án, thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Làm cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức phổ biến chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3. Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các dự án PPP trên địa bàn tỉnh.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Có ý kiến thẩm định phương án tài chính của đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi khi được cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP lấy ý kiến. Trường hợp cần thiết thì đề xuất thuê tư vấn độc lập thẩm tra để làm cơ sở thẩm định.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

1. Đề xuất danh mục dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc phạm vi quản lý;

2. Làm cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (đối với dự án nhóm B, C) hoặc được giao nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (đối với dự án nhóm A) (gọi tắt là cơ quan được ủy quyền hoặc được giao nhiệm vụ) chịu trách nhiệm:

a) Đề xuất mục tiêu (hoặc đề nghị nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung mục tiêu), hiệu quả đầu tư dự án;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thỏa thuận với nhà đầu tư về các nội dung liên quan đến việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (trừ trường hợp nhà đầu tư thực hiện);

d) Quyết định lựa chọn nhà thầu tư vấn lập đề xuất dự án, lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về đấu thầu (trừ trường hợp nhà đầu tư thực hiện);

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan để thực hiện việc giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án;

e) Thành lập hoặc giao đơn vị quản lý dự án thực hiện các hoạt động thuộc trách nhiệm của mình (giám sát việc thực hiện hợp đồng; kiểm tra việc giám sát quá trình thi công; tổ chức kiểm định chất lượng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan nhà nước yêu cầu;...). Trường hợp cần thiết thì đề xuất thuê tổ chức tư vấn độc lập để hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ phức tạp;

g) Kịp thời thẩm định thiết kế xây dựng (kể cả việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án) và góp ý thẩm định các nội dung liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị khi được cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP lấy ý kiến. Trường hợp cần thiết thì đề xuất thuê tư vấn độc lập thẩm tra để làm cơ sở thẩm định;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến dự án PPP, tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của các dự án PPP đối với lĩnh vực ngành quản lý;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Đề xuất danh mục dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc phạm vi quản lý;

2. Làm cơ quan được ủy quyền hoặc được giao nhiệm vụ khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao (trong trường hợp này chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung nêu tại khoản 2 Điều 13 Quy định này);

3. Chịu trách nhiệm tổ chức giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án;

4. Kịp thời có văn bản góp ý thẩm định các nội dung liên quan của đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi trên địa bàn khi được cơ quan đầu mối quản lý về hoạt động PPP lấy ý kiến;

5. Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn;

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Phối hợp với cơ quan được ủy quyền hoặc được giao hoàn chỉnh đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án và được giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi).

2. Ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu tư vấn, cung cấp hàng hóa, xây lắp và nhà thầu khác trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế để áp dụng thống nhất trong quá trình thực hiện dự án.

3. Tổ chức lập thiết kế, thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng. Việc thay đổi thiết kế làm ảnh hưởng đến quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, dịch vụ của dự án; tự giám sát, quản lý hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để quản lý, giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình theo thiết kế, phương án kinh doanh quy định tại hợp đồng dự án.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và Quy định này.

Điều 17. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng